

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thi hành pháp luật và cơ chế, chính sách về khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thực hiện các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản

Các quy định về khai thác thủy sản đã được triển khai đầy đủ, đồng bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng:

- Thành ủy Hải Phòng có Văn bản số 1251-CV/TU chỉ đạo về chống khai thác IUU thực hiện Công văn số 81-CV/TW của Thường trực Ban Bí thư; ban hành Kết luận số 213-KL/TU ngày 14/01/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về sơ kết thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 07/6/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển kinh tế thủy sản, xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ.

- Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 về quy định chính sách hỗ trợ hệ thống giám sát tàu cá cho ngư dân thành phố, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố. Ủy ban nhân dân thành phố

- Ủy ban nhân dân thành phố có các kế hoạch cụ thể chỉ đạo việc triển khai thực hiện Luật Thủy sản 2017, Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, Nghị định 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ban hành Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 18/11/2022, Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 công bố hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản trên biển tại vùng bờ và vùng lộng thành phố Hải Phòng; Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 ban hành quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận đóng mới,

cải hoán thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn thành phố...

Về công tác chống khai thác IUU, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Văn phòng đại diện Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá; ban hành Quy chế phối hợp giữa các lực lượng thuộc Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, biên phòng và các địa phương thực hiện kiểm soát nghề cá trên địa bàn thành phố. Kết quả đến nay: 100% tàu cá đăng ký tại Hải Phòng được cập nhật và theo dõi trên hệ thống giám sát tàu cá quốc gia, 100% tàu cá thuộc diện phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình; các tàu cá được đánh dấu, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, giấy phép khai thác đảm bảo theo đúng quy định; công tác kiểm soát tàu cá tại các cảng cá được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Về kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm hành chính: Các cơ quan, đơn vị chức năng của thành phố đã tăng cường thanh tra, kiểm tra các đơn vị, cá nhân đăng ký, đăng kiểm tàu cá, chấp hành Luật Thủy sản... Kết quả xử lý như sau:

- Năm 2020: Xử lý 243 vụ vi phạm, xử phạt 1.969 triệu đồng.
- Năm 2021: Xử lý 138 vụ vi phạm, xử phạt 1.494 triệu đồng.
- Năm 2022: Xử lý 101 vụ vi phạm, xử phạt 1.191 triệu đồng.
- Năm 2023: Xử lý 128 vụ vi phạm, xử phạt 1.24 triệu đồng.

Các lỗi vi phạm: Không thông báo cập/rời cảng cho tổ chức quản lý cảng cá; bốc dỡ hàng hóa tại cảng cá không có tên trong danh sách cảng cá được chỉ định; ghi không đầy đủ nhật ký khai thác; sử dụng Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã hết hiệu lực; không tuân thủ nội quy và sự điều động của tổ chức quản lý cảng cá theo quy định; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã hết hạn đăng kiểm; không có sổ danh bạ thuyền viên; không mua bảo hiểm thuyền viên; không duy trì thiết bị giám sát hành trình khi khai thác trên biển; không có đăng ký tàu cá; không treo quốc kỳ; ghi biển số tàu không đúng; thuyền trưởng và máy trưởng không có chứng chỉ chuyên môn; thuyền viên không có tên trong sổ danh bạ; khai thác sai vùng...

2. Thực hiện cơ chế, chính sách của Trung ương

a) Chính sách phát triển thủy sản

- Chính sách đầu tư: Thành phố đã có 03 cảng cá được công bố mở cảng và đưa vào hoạt động (Cảng Trân Châu, là cảng loại 2, đã được đầu tư cơ bản với tổng kinh phí đầu tư trên 700 tỷ đồng; Cảng Ngọc Hải, là cảng loại 2, tiếp tục được Trung ương đưa vào Kế hoạch xây dựng mô hình điểm để chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định; Cảng cá Tây Nam Bạch Long Vĩ được công bố mở cảng loại 3; Cảng cá Tây Bắc Bạch Long Vĩ đang được đầu tư xây dựng). Đã lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000

Trung tâm nghề cá lớn tại Lập Lễ, Thủy Nguyên và tích hợp vào Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2040 tầm nhìn 2050. Thành phố đã đề xuất với Trung ương cho phép Hải Phòng tham gia Dự án Phát triển thủy sản bền vững để sử dụng nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới đầu tư thực hiện 03 tiểu dự án là thành phần của Trung tâm nghề cá, với tổng kinh phí đầu tư là 1.341 tỷ đồng (gồm: Tiểu Dự án nâng cấp, sửa chữa Cảng cá Bạch Long Vĩ thành Cảng cá loại 1 kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; Tiểu Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm nghề cá tại xã Lập Lễ, Thủy Nguyên và Tiểu Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm ngư vùng I).

- Chính sách tín dụng: theo Quyết định số 3602/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/8/2014, Công văn số 8453/BNN-TCTS ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số lượng tàu cá đóng mới của thành phố Hải Phòng được phân bổ 54 tàu, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có Quyết định phê duyệt danh sách 54 chủ tàu đủ điều kiện đóng mới tàu cá hoàn thành (100%) chỉ tiêu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ; tuy nhiên chỉ có 47/54 chủ tàu cá ký được hợp đồng tín dụng (đạt 82%) với tổng kinh phí vốn vay 697,63 tỷ đồng, các tàu đã hoàn thành và đi vào hoạt động. Còn lại 07 tổ chức, cá nhân chưa tiếp cận được nguồn vốn vay để triển khai đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Chính sách hỗ trợ 01 lần sau đầu tư: đã phê duyệt 04 trường hợp đủ điều kiện tham gia chính sách với tổng kinh phí 30,7 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương 15,35 tỷ đồng, ngân sách thành phố 15,35 tỷ đồng, đến nay trên địa bàn thành phố Hải Phòng chưa có tổ chức, cá nhân tiến hành làm thủ tục để hưởng chính sách này.

- Chính sách bảo hiểm: tổng kinh phí đã hỗ trợ mua bảo hiểm đến nay là 13.635.267.759 đồng gồm hỗ trợ bảo hiểm thuyền viên, bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ, bảo hiểm rủi ro đặc biệt.

- Một số chính sách khác:

- + Hỗ trợ đào tạo hướng dẫn thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên vận hành tàu cá vỏ thép, vỏ vật liệu mới; kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới là 4.267,42 triệu đồng cho 15 lớp với 525 thuyền viên; đã triển khai mở 15 lớp đào tạo cho 484 thuyền viên với tổng kinh phí: 4.050 triệu đồng

- + Chính sách hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa từ đất liền ra tàu khai thác hải sản xa bờ và vận chuyển sản phẩm về đất liền: hỗ trợ vận chuyển hàng hóa cho 66 lượt tàu/394 chuyến biển với tổng kinh phí 16.100 triệu đồng. Đến hết năm 2020, các chính sách theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và số 17/2018/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với các tàu cá thuộc diện 47 tàu cá được đóng mới nêu trên địa bàn thành phố; không áp dụng đối với các tàu cá còn lại.

- + Về cơ sở đủ điều kiện đóng mới tàu cá: Ủy ban nhân dân thành phố có

Quyết định công bố 17 cơ sở, doanh nghiệp đủ điều kiện đóng mới, nâng cấp cải hoán tàu dịch vụ và khai thác thủy sản xa bờ; đề xuất xây dựng thiết kế 12 mẫu tàu cá vỏ gỗ, công suất máy chính từ 400 - 1.300 CV, với 3 nhóm nghề: lưới rê, chụp mực, dịch vụ hậu cần.

b) Kết quả thực hiện một số chính sách khác

Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp: mới chỉ dừng lại đối với sản xuất lúa; chưa được thực hiện đối với khai thác thủy sản. Đến hết ngày 31/12/2020, các chính sách về hỗ trợ lãi suất vốn vay đã hết hiệu lực.

Triển khai Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện theo quy định.

3. Thực hiện cơ chế, chính sách của thành phố

a) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 07/6/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển kinh tế thủy sản, xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ

Giai đoạn 2016-2020, việc phát triển kinh tế thủy sản nói chung, khai thác thủy sản nói riêng trên địa bàn thành phố đã bám sát quan điểm, mục tiêu và định hướng của Nghị quyết. Đến năm 2020, có 5/7 chỉ tiêu đã vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra: Giá trị sản xuất thủy sản tăng 8,21%/năm; giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 43,08%, kim ngạch xuất khẩu tăng 8,71%/năm, cơ cấu kinh tế thủy sản chuyển dịch đúng hướng; sản lượng tăng 10,54%/năm; trên 70% lao động nghề cá được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; lập quy hoạch Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 xây dựng Trung tâm nghề cá lớn Hải Phòng gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ.

Năng lực khai thác thủy sản xa bờ được nâng cao; có nhiều tàu cá chiều dài trên 24m, tàu dịch vụ hậu cần thủy sản tham gia khai thác xa bờ; lao động tham gia khai thác cơ bản đã qua đào tạo; tàu cá được trang bị ngày càng hiện đại, cơ bản đáp ứng các điều kiện về chống khai thác IUU.

Các cảng cá được đầu tư nâng cấp, công bố mở cảng và đi vào hoạt động (Trần Châu, Ngọc Hải, Bạch Long Vỹ), cùng với các khu neo đậu tránh trú bão đã đáp ứng yêu cầu neo đậu, trao đổi hàng hóa, tránh trú bão cho hơn 4.000 tàu thuyền, công suất lớn nhất trên 1.000 CV; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá tại các cảng cá đã triển khai và đi vào nền nếp.

Dịch vụ hậu cần thủy sản tiếp tục được duy trì đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân hoạt động thủy sản trên địa bàn Hải Phòng và hàng nghìn lượt tàu thuyền của các tỉnh miền Trung khai thác thủy sản tại ngư trường Vịnh Bắc bộ.

Thu nhập và đời sống của ngư dân ngày càng được cải thiện, nâng cao; kinh tế thủy sản phát triển ngày càng bền vững, góp phần quan trọng trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

b) Thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế thủy sản thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết số 25/2015/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của Hội đồng nhân dân thành phố):

- Ngày 01/04/2016, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 538/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế thủy sản thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kết quả một số chỉ tiêu đến năm 2020 đã đạt và vượt nhiều so với quy hoạch như: sản lượng khai thác thủy sản toàn thành phố khi quy hoạch đến năm 2020 là 56.500 tấn, tuy nhiên đến năm 2020 đã thực hiện được 109.060 tấn tăng 193%; tổng số tàu thuyền thực tế năm 2020 đã giảm 18,7% so với quy hoạch từ 2.675 chiếc xuống còn 2.175 chiếc. Về tỷ lệ phần trăm cơ cấu nghề khai thác thủy sản giữa quy hoạch và hiện trạng như sau: lưới chụp giảm từ 22% xuống còn 11,3%, lưới rê tăng từ 30% lên 32,2%, lưới kéo tăng từ 10% lên 22,3%, nghề câu giảm từ 5% xuống còn 1,2% và các nghề khác không thay đổi là 33%. Như vậy tỷ trọng nghề lưới kéo trong cơ cấu nghề khai thác thủy sản tăng lên, điều này cho thấy lưới kéo vẫn phát triển mạnh hơn so với các nghề khác, chỉ tiêu này chưa đạt yêu cầu so với quy hoạch.

c) Thực hiện Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017, số 13/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 và các chính sách có liên quan, thành phố đã huy động được 174,67 tỷ đồng cho phát triển thủy sản; trong đó, ngân sách thành phố hỗ trợ là 50,34 tỷ đồng, tập trung vào xây dựng nhà bạt, quạt nước, sục khí, ứng dụng công nghệ sinh học, giống mới, giống tiến bộ nuôi trồng thủy sản; truy xuất nguồn gốc hàng hóa; lắp đặt, vận hành thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá; đào tạo thuyền máy trưởng, tập huấn nghiệp vụ cho ngư dân, quan trắc môi trường vùng nuôi, thực hiện chương trình Khuyến nông...

d) Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, thành phố có Quyết định số 1129/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 và Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn thành phố. Thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đã có 385 học viên được hỗ trợ đào tạo các nghề phục vụ phát triển kinh tế thủy sản.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được

- Hệ thống văn bản quy định về khai thác thủy sản được xây dựng, hoàn thiện và thực hiện đồng bộ, thống nhất (Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật), hướng đến nghề cá hiện đại, bền vững và có trách nhiệm.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về khai thác thủy sản, chống khai thác IUU được triển khai đồng bộ trên địa bàn thành phố, thu được nhiều kết quả tích cực; ý thức tuân thủ pháp luật của người dân từng bước được nâng cao.

- Các chính sách của Trung ương và thành phố (Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố...) được triển khai đồng bộ, tạo động lực khuyến khích cho ngư dân hiện đại hóa đội tàu cá, đẩy mạnh khai thác vùng khơi, nâng cao năng suất và góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo.

- Cơ cấu nghề khai thác thủy sản có sự chuyển biến theo hướng bền vững, gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi và chống khai thác IUU; thành phố đã ban hành quyết định về công bố hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố. Phát triển tàu thuyền có sự biến động tích cực, nhóm tàu khai thác ven bờ giảm, nhóm tàu khai thác vùng lộng, vùng khơi tăng.

- Có sự hợp tác, trao đổi thông tin và du nhập công nghệ khai thác tiên tiến vào các ngành nghề khai thác của thành phố, giải quyết những sự cố xảy ra đối với ngư dân trên biển nhất là việc tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố.

- Các chương trình, dự án đầu tư đã góp phần nâng cao năng suất, sản lượng khai thác; nâng cao năng lực khai thác, vận hành cho các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão thúc đẩy ngành thủy sản Hải Phòng phát triển theo hướng hiện đại, bền vững

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai, thực thi một số quy định của pháp luật về khai thác thủy sản, nhất là khai thác thủy sản ven bờ còn chậm; công tác quản lý nghề cá đối với đội tàu dưới 15m khai thác ở vùng bờ và vùng lộng chưa được thực hiện tốt, nhiều tàu cá chưa đăng ký, đăng kiểm, hoạt động nghề cá...

- Cơ chế, chính sách của Trung ương và thành phố được xây dựng và triển khai đồng bộ trong thực tiễn; tuy nhiên, đối tượng chủ yếu tập trung vào đội tàu khai thác thủy sản xa bờ; khai thác thủy sản ven bờ chưa được định hướng phát triển trong giai đoạn vừa qua.

- Việc điều tra hiện trạng nghề khai thác, nguồn lợi thủy sản vùng biển ven

bờ mới được quan tâm thực hiện trong giai đoạn này (theo quy định của Luật Thủy sản) làm cơ sở để quản lý khai thác thủy sản vùng bờ, điều chỉnh nghề và cấp hạn ngạch giấy phép khai thác; còn thiếu chính sách dẫn dắt ngư dân chuyển đổi nghề cho phù hợp.

- Do đặc thù diện tích vùng biển ven bờ của thành phố lớn, ngư dân sống bằng nghề truyền thống còn nhiều, phương thức khai thác chưa được đổi mới; tăng trưởng thủy sản chủ yếu dựa vào sản lượng khai thác là chính; đội tàu khai thác thủy sản ven bờ tuy đã giảm nhưng còn nhiều, cơ cấu chưa phù hợp... do đó, nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt.

3.3. Nguyên nhân

- Nghề cá của thành phố Hải Phòng vẫn mang đặc thù của một nghề cá thủ công, đa ngư cụ, quy mô nhỏ, phát triển tự phát, ít đầu tư cho công nghệ, không theo quy hoạch, chưa kiểm soát được cường lực khai thác theo nghề, vùng biển dẫn đến cường lực khai thác chưa phù hợp với trữ lượng, khả năng cho phép khai thác tối đa nguồn lợi thủy sản. Tổ chức sản xuất vẫn mang tính nhỏ lẻ, chưa có sự liên kết theo chuỗi dẫn đến năng suất, hiệu quả chưa cao.

- Việc điều tra hiện trạng nghề khai thác, nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ mới được quan tâm thực hiện trong giai đoạn này làm cơ sở khoa học định hướng phát triển khai thác gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Cùng với những điều chỉnh trong quy định của pháp luật (như quản lý tàu cá theo chiều dài thay cho mã lực), nhiều cơ chế, chính sách về phát triển khai thác thủy sản đã hết hiệu lực, thiếu chính sách hỗ trợ cho khai thác thủy sản ven bờ, ngư dân chưa kịp chuyển đổi nghề phù hợp nên còn tình trạng khai thác thủy sản sai vùng, sai nghề, khai thác tận thu, chưa đăng ký tàu cá theo quy định.

- Chưa có chiến lược dài hạn về đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực trong lĩnh vực khai thác vùng ven bờ; đổi mới công nghệ khai thác còn chậm, phương thức khai thác mang tính tự phát, thiếu đồng bộ.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cộng đồng ngư dân đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn hạn chế đối với khai thác thủy sản ven bờ; việc bố trí, đảm bảo các nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền mới chỉ được quan tâm ở mức độ thấp.

II. ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ KHAI THÁC THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐẾN NĂM 2030

1. Lý do ban hành chính sách

- Sau khi thực hiện phương án giải bản tàu và chuyển đổi nghề khai thác ở vùng bờ và vùng lồng thì sản lượng khai thác sẽ tăng từ 27.976 tấn lên 40.173 tấn (tương ứng với mức tăng khoảng 43,6%). Bên cạnh tăng sản lượng khai thác do thay đổi cơ cấu nghề, thì đề án này còn góp phần tăng về giá trị

khai thác nhờ thay đổi cơ cấu đối tượng khai thác (giảm tỷ trọng cá tạp và tăng khai thác các đối tượng có giá trị kinh tế). Ước tính lợi nhuận của đội tàu khai thác vùng bờ và vùng lộng chiếm khoảng 15% tổng doanh thu, như vậy giá trị mang lại nếu thực hiện đề án này khoảng 58,5 tỷ đồng/năm.

- Tránh được tình trạng nguồn lợi hải sản bị suy kiệt do khai thác quá mức, sử dụng ngư cụ khai thác cấm, xâm hại nguồn lợi; giảm được tình trạng thua lỗ, nằm bờ kéo dài do khai thác không hiệu quả.

- Việc hỗ trợ giải bản, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp sẽ từng bước giúp các cơ quan nhà nước thuận lợi trong việc quản lý, giám sát đội tàu khai thác ở vùng bờ và vùng lộng, đặc biệt là quản lý trong mùa mưa bão, cứu hộ, cứu nạn.

- Chính sách sẽ góp phần giúp cho cộng đồng ngư dân nhất là đồng bào “cộng đồng ven biển” có sinh kế ổn định, xóa đói, giảm nghèo; giúp người dân yên tâm sản xuất.

- Ổn định đời sống của cộng đồng ngư dân, từng bước đưa thu nhập của lao động trong lĩnh vực khai thác thủy sản tiệm cận với các ngành nghề khác trong xã hội. Ngoài ra, việc giải bản tàu sẽ phần nào hạn chế được tình trạng thiếu lao động trên tàu khai thác hải sản.

- Việc chuyển đổi nghề và đa dạng hóa cơ cấu nghề nghiệp trong cộng đồng ngư dân sẽ từng bước hạn chế được mức độ phụ thuộc vào nghề khai thác hải sản (79,1%).

- Việc thay đổi công cụ phù hợp trong sản xuất, ngư cụ khai thác ít ảnh hưởng đến môi trường, kết hợp với việc quy hoạch vùng khai thác, thời gian khai thác sẽ bảo vệ được môi trường sống, hệ sinh thái của các loài thủy sản, tạo môi trường tốt cho các loài thủy sản phát triển ở vùng ven bờ, góp phần nâng cao sản lượng, năng suất và giá trị sản lượng khai thác cho ngư dân Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân có địa chỉ thường trú tại thành phố Hải Phòng là chủ sở hữu hợp pháp của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m trở lên (*gọi tắt là chủ tàu cá*).

b) Các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Nguyên tắc thực hiện

Các cơ chế, chính sách chỉ áp dụng hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện hỗ trợ của Nghị quyết; các hoạt động triển khai thực hiện Nghị quyết này áp dụng theo quy định hiện hành. Việc hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định. Mỗi tàu cá chỉ được lựa chọn, áp dụng một chính sách hỗ trợ.

4. Nội dung các chính sách

4.1. Chính sách 1: Hỗ trợ giải bản tàu cá khai thác thủy sản vùng bờ

a) Nội dung của chính sách: Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho chủ tàu cá kinh phí giải bản (phá dỡ) tàu cá và ổn định đời sống sau khi hoàn thành thực hiện giải bản tàu cá.

- Mức hỗ trợ giải bản tàu cá như sau:

Nhóm tàu cá	Thời gian hoạt động của tàu cá		
	Từ 10 năm đến dưới 15 năm	Từ 15 năm đến dưới 20 năm	Từ 20 năm trở lên
Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m	100 triệu đồng/tàu	80 triệu đồng/tàu	60 triệu đồng/tàu
Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m trở lên	250 triệu đồng/tàu	185 triệu đồng/tàu	125 triệu đồng/tàu

Thời gian hoạt động của tàu cá = Năm đăng ký thực hiện giải bản – Năm đóng tàu đối với tàu đã đăng ký hoặc năm mua tàu đối với tàu chưa đăng ký.

- Mức hỗ trợ ổn định đời sống: 12.960.000 đồng/tàu cá¹.

b) Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ: Các tàu được hưởng hỗ trợ kinh phí giải bản phải đảm bảo đồng thời các điều kiện như sau:

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m đang hoạt động các nghề: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lò dây, bát quai, dón, lừ), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy; xăm; chần; xiệp; xích; te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng bờ theo quy định; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m đang hoạt động nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng lộng theo quy định; tàu cá có trong danh sách xem xét hỗ trợ được quy định cụ thể tại Nghị quyết.

- Đăng ký tham gia thực hiện chính sách và được Chi cục Thủy sản Hải Phòng **chấp thuận**.

- Tàu cá còn khả năng hoạt động khai thác thủy sản tính đến thời điểm thực hiện giải bản.

c) Hiệu quả của chính sách:

- Tổ chức, cá nhân được tạo thuận lợi và yên tâm hơn khi giải bản tàu. Chính sách sẽ góp phần giúp cho cộng đồng ngư dân nhất là đồng bào “cộng

¹ Áp dụng mức hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 4 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố: 6.480.000 đồng/nhân khẩu x 02 nhân khẩu = 12.960.000 đồng.

đồng ven biển”, những người nghèo có sinh kế ổn định, xóa đói, giảm nghèo. Giảm áp lực về tình trạng thất nghiệp và các tệ nạn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý để người dân yên tâm sản xuất.

- Ổn định đời sống của cộng đồng ngư dân, từng bước đưa thu nhập của lao động trong lĩnh vực khai thác thủy sản tiệm cận với các ngành nghề khác trong xã hội. Ngoài ra, việc giải bản tàu sẽ phần nào hạn chế được tình trạng thiếu lao động trên tàu khai thác hải sản.

- Đến năm 2030, hoàn thành việc hỗ trợ để giải bản các tàu khai thác ở vùng bờ dư thừa nhằm bảo vệ, duy trì nguồn lợi hải sản và phát triển bền vững nghề khai thác thủy sản Hải Phòng.

4.2. Chính sách 2: Hỗ trợ chuyển nghề khai thác thủy sản

a) Nội dung của chính sách:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 15m 100% kinh phí mua ngư cụ, máy tời để chuyển đổi từ các nghề: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lò dây, bát quai, dón, lù), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy; xăm; chần; xiệp; xích; te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ ở vùng bờ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng bờ và vùng lộng sang nghề câu, nghề lưới rê, nghề lồng bẫy ghẹ và các nghề khác không cấm theo quy định của pháp luật trong phạm vi hạn ngạch cho phép.

Mức hỗ trợ không vượt quá đối với các trường hợp sau:

- Chuyển sang nghề câu: 50 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 80 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m.

- Chuyển sang nghề lưới rê: 155 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 295 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 m đến dưới 15m.

- Chuyển sang nghề lồng bẫy ghẹ: 125 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 205 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m.

- Chuyển sang các nghề khác không cấm theo quy định pháp luật: 80 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 110 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m.

b) Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ: Các tàu cá được hưởng hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 15m đang hoạt động các nghề lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lò dây, bát quai, dón, lù), nghề

kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy; xăm; chần; xiệp; xích; te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng ven bờ và nghề lưới chụp, nghề lồng bát quái ở vùng lộng.

- Bản Đăng ký tham gia thực hiện chính sách đã được Chi cục Thủy sản chấp thuận.

- Đã hoàn thành chuyển đổi nghề khai thác thủy sản.

c) Hiệu quả của chính sách:

- Tránh được tình trạng nguồn lợi hải sản bị suy kiệt do khai thác quá mức, sử dụng ngư cụ khai thác cấm, xâm hại nguồn lợi; giảm được tình trạng thua lỗ, nằm bờ kéo dài do khai thác không hiệu quả.

- Việc thay đổi công cụ phù hợp trong sản xuất, ngư cụ khai thác ít ảnh hưởng đến môi trường, kết hợp với việc quy hoạch vùng khai thác, thời gian khai thác sẽ bảo vệ được môi trường sống, hệ sinh thái của các loài thủy sản, tạo môi trường tốt cho các loài thủy sản phát triển ở vùng ven bờ Hải Phòng, từ đó góp phần nâng cao sản lượng, năng suất và giá trị sản lượng khai thác cho ngư dân Hải Phòng.

- Tổ chức, cá nhân yên tâm hơn khi tự nguyện chuyển đổi sang nghề khai thác không bị cấm, từ đó được tạo điều kiện cấp các loại giấy tờ hoạt động liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố cho phép xây dựng Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố như trên./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN